TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2024/DS-ST
Ngày: 11-12-2024.
V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Công;

Ông Nguyễn Phát Triển.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Thái Vân An là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2024/TLST-DS ngày 16/10/2024, "V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng vay" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2024/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 11 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ T, sinh năm: 1965, địa chỉ: xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Trần X, sinh năm: 1974, địa chỉ: xã Long Thắng, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Hồ T trình bày:

Vào ngày 10/4/2018 tôi có cho bag X vay số tiền 10.000.000đ, lãi xuất 10%/tháng, thời gian 06 tháng, mục đích làm ăn tôi có ghi giấy nợ trong cuốn

tập bag X có ký tên nhưng cuốn tập này đã thất lạc, sau khi vay thì bag X có đóng lãi cho tôi được 02 lần 1.500.000đ không đóng nữa tôi đã nhiều lần đòi nhưng bag X không trả nên khoảng năm 2020 tôi có mua lại bãi rơm mục của bag X giá 1.500.000đ để lấy tiền lãi và sau đó đến năm 2022 con tôi có đến nhà đòi thì bag X đưa được 2.000.000đ số tiền này là tiền lãi tôi nhận chứ bag X không trả được đồng vốn nào, từ đó đến thì bag X không trả vốn, lãi gì cho tôi nữa nhiều lần tôi đến đòi thì bag X còn thách thức đi thưa nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Nguyễn Thị Xuyên trả cho Hồ T số tiền nợ vốn 10.000.000 đồng, lãi không yêu cầu.

Tôi không có nhận tiền như bag X trình bày tôi có nhận tiền lãi bag X đóng là 1.500.000đ và có đưa con tôi 2.000.000đ với tiền mua rơm mục 1.500.000đ ngoài ra không nhận khoảng tiền vốn hay lãi nào khác.

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn Trần X trình bày:

Tôi thừa nhận năm 2018 tôi có mượn chị Thuỷ số tiền 10.000.000đ, lãi xuất 150.000đ/1triệu sau đó tôi đóng lãi được 02 tháng thì không có khả năng đóng lãi nữa nên tôi xin chị Thuỷ trả vốn, nên chị Thuỷ mới kêu con chị Thuỷ vô đòi rồi tôi nói cưng cho số điện thoại chị đi để có tiền chị điện thoại trả cưng (lúc này tôi có điện thoại hỏi cô Thuỷ gửi tiền cho con chị hay chị rồi chị Thuỷ trả lời gửi cho con chị) rồi tôi có đưa 2.000.000đ cho chị Thuỷ, sau đó thời gian nào tôi không nhớ có đưa thêm lần nữa là 1.000.000đ cho con chị Thuỷ, sau thời gian chị Thuỷ vô nói sau tiền không trả tôi mà trả cho nó nên tôi nói vậy tôi không đưa cho nó nữa, rồi sau đó tôi có trả thêm 2.000.000đ nữa có bà bán thịt heo biết, sau nữa tôi lại trả 1.000.000đ, sau đó chị Thuỷ vô nhà tôi tôi có trả thêm 1.000.000đ nữa, sau đó nữa chị Thuỷ có đi với bà 5 tiếng vô đòi tôi trả được 500.000đ, khoảng vài ngày nữa chị có vô mua cá của tôi có thiếu 530.000đ thì tôi trừ qua tiền thiếu, lúc trước thời gian nào tôi không nhớ có bãi rơm mục rồi chị Thuỷ mua lại của tôi số tiền 3.000.000đ rồi trừ qua số tiền thiếu nữa thì tổng cộng tôi đã trả được cho chị Thuỷ 11.000.000đ dư 1.000.000đ coi như là tôi đưa tiền lời cho chị Thuỷ luôn, tất cả những lần tôi trả chị Thuỷ hay con chị Thuỷ điều không có giấy tờ gì hết. Tôi đã trả xong cho chị Thuỷ nên nay tôi không đồng ý với yêu cầu của chị Thuỷ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hồ T khởi kiện yêu cầu Trần X trả tiền nợ vay, đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng vay. Bị đơn cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Hồ T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Trần X trả cho Hồ T tiền còn nợ là 10.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là việc bag X thừa nhận có nợ của bà T số tiền 10.000.000 đồng nhưng đã trả cho bà T xong như đã trình bài ở trên nhưng lời trình bày này của bag X không được bà T chấp nhận, Toà án đã thông báo cho bag X cung cấp chứng cứ chứng minh cho rằng bag X đã trả xong số tiền trên cho bà T nhưng đến nay bag X không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh đã trả xong số tiền 10.000.000 đồng cho bà T.

Từ những nhận định và phân tích trên, xét yêu cầu của nguyên đơn Hồ T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Hồ T buộc Trần X trả cho Hồ T số tiền còn nợ 10.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Đối với tiền lãi nguyên đơn Hồ T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Hồ T về việc yêu cầu Trần X trả nợ.

2. Buộc Trần X trả cho Hồ T số tiền còn nợ là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí, tạm ứng án phí:

4.1. Trần X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

4.2. Hoàn trả lại cho Hồ T số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0014070 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/12/2024).

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Cao Diễm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.